TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 263/2023/HC-PT
Ngày 25 - 4 - 2023
V/v: Khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Duy Nhiệm;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Đình Khánh;

Bà Lê Thị Mai.

- Thư ký phiên toà: Ông Phan Nhật Phong, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thanh Phương, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 25 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 74/2023/TLPT-HC ngày 31 tháng 01 năm 2023 về việc "*Khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 129/2022/HC-ST ngày 18 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2716/2023/QĐ-PT ngày 10/4/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

** Người khởi kiện:* Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1965, vắng mặt;

Địa chỉ: Thôn PV, xã AK, huyện HĐ, Thành phố Hà Nội.

** Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân (sau đây gọi tắt là UBND) huyện HĐ, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn A, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện HĐ (theo văn bản ủy quyền số 228/GUQ-UBND ngày 31/8/2020), có đơn xin xét xử vắng mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1943, vắng mặt;

Người đại diện theo ủy quyền của bà M: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1972, có mặt (theo hợp đồng ủy quyền ngày 08/9/2020);

Cùng địa chỉ: Thôn PV, xã AK, huyện HĐ, Thành phố Hà Nội;

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bà M: Ông Đỗ Xuân Đ, Luật sư Công ty Luật TNHH L, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội, có mặt.

** Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị M.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 27/3/2020, Chủ tịch UBND huyện HĐ ban hành Quyết định số 1399/QĐ-UBND (sau đây gọi tắt là Quyết định 1399) về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa hộ ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị M. Theo đó tại Điều 1 Quyết định 1399 quyết định:

"Công nhận diện tích 14,3m^2 đất đang tranh chấp giữa hộ ông Nguyễn Văn Đ với hộ bà Nguyễn Thị M thuộc thửa đất số 269, tờ bản đồ số 02 của hộ bà M. Diện tích thửa đất số 269 của hộ bà Nguyễn Thị M là 178,5m^2 theo sơ đồ đo đạc hiện trạng ngày 17/9/2019 giới hạn bởi các điểm 1, 3, 11, 12, 1.

Công nhận diện tích 20,5m^2 ngõ đi ra đường công thuộc thửa đất số 219, tờ bản đồ số 02 của hộ ông Nguyễn Văn Đ. Diện tích thửa đất số 219 của hộ ông Nguyễn Văn Đ theo sơ đồ đo đạc hiện trang ngày 17/9/2019 (201m^2 - 14,3m^2 = 186,7m^2) giới hạn bởi các điểm 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 11, 3.

Giao UBND xã AK phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức cắm mốc giới trên thực địa để các hộ gia đình sử dụng ổn định, thực hiện việc kê khai, đăng ký đất đai và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (sau đây gọi tắt là GCNQSD) đất theo quy định.

Không đồng ý với nội dung trên, ông Nguyễn Văn Đ đã có đơn khởi kiện vụ án hành chính, yêu cầu Tòa án hủy quyết định 1399.

** Quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện trình bày:*

Diện tích 14,3m^2 đang có tranh chấp là phần đất của gia đình ông Đ, có nguồn gốc do cha ông để lại. Việc tranh chấp đã kéo dài từ năm 1985 và đã được UBND xã AK hòa giải nhiều lần. Cụ thể: Năm 1985, gia đình ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị M tiến hành xây dựng nhà, quá trình xây dựng đã lấn sang đất của gia đình ông Đ nên phát sinh tranh chấp, nên gia đình ông T, bà M đã có đơn đề nghị UBND xã AK xác định mốc giới đất giữa hai gia đình. Ngày 16/5/1986, Chủ tịch UBND xã AK đã chỉ đạo cán bộ địa chính tiến hành xác minh mốc giới đất theo bản đồ năm 1938; sau khi xác minh xong phần diện tích gia đình ông Đ bị gia đình bà M lấn chiếm, cụ thể: Phía Đông lấn sang 0,76m, phía Tây lấn sang 0,3m, phía Bắc cả 07 gian nhà dài 15m là tường hậu nằm toàn bộ trên diện tích nhà ông Đ. Ngày 29/8/1986, ông T có văn bản thừa nhận việc xây dựng nhà lấn sang đất của gia đình ông Nguyễn Văn L (thời điểm này ông L là anh trai của ông Đ đang sinh sống tại đây) và cam kết sẽ trả lại khi hộ gia đình ông L cần sử dụng.

Đến năm 2019, khi hộ bà Nguyễn Thị M phá dỡ ngôi nhà xây dựng từ năm 1985 để xây nhà mới, gia đình ông Đ đã yêu cầu gia đình bà M trả lại diện tích

đất đã mượn theo giấy xác nhận có chữ ký của ông Nguyễn Văn T lập ngày 19/8/1986, nhưng hộ gia đình bà M không chấp nhận. Do vậy, ông Đ đã yêu cầu UBND xã AK và UBND huyện HĐ giải quyết.

Theo bản đồ và sổ mục kê năm 1986 thể hiện: Hộ bà Nguyễn Thị M sử dụng là thửa số 113, diện tích 172m^2; hộ ông Nguyễn Văn Đ sử dụng là thửa số 171, diện tích 171m^2.

Theo bản đồ và sổ mục kê năm 1991 thì hộ bà Nguyễn Thị M sử dụng là thửa số 138, diện tích 173m^2; hộ ông Nguyễn Văn Đ sử dụng là thửa số 139, diện tích 180m^2.

Theo bản đồ và sổ mục kê năm 2005 hộ bà Nguyễn Thị M sử dụng là thửa số 269, diện tích 178m^2; hộ ông Nguyễn Văn Đ sử dụng là thửa số 219, diện tích 168m^2.

Căn cứ kết quả đo đạc, xác minh mốc giới 02 thửa đất do UBND xã AK thực hiện năm 1986 và hồ sơ địa chính qua các thời kỳ được lưu tại UBND xã, thì việc Chủ tịch UBND huyện HĐ giải quyết tranh chấp và ban hành Quyết định 1399 đã công nhận diện tích 14,3m^2 đang tranh chấp giữa hộ ông Nguyễn Văn Đ và hộ bà Nguyễn Thị M thuộc thửa đất số 269, tờ bản đồ số 02 của hộ bà M là không đúng, gây thiệt hại đến quyền lợi ích hợp pháp của ông Đ. Hơn nữa, tại thời điểm UBND xã AK giải quyết tranh chấp đất vào năm 1986 đã xác định hộ bà M sử dụng một phần diện tích đất của ông Đ và ông T cũng đã có văn bản thừa nhận việc xây dựng nhà lấn chiếm sang đất của gia đình ông Đ.

** Người bị kiện là Chủ tịch UBND huyện HĐ trình bày:*

Tháng 6/2019 khi hộ gia đình bà M dỡ nhà cũ để xây dựng nhà mới thì xảy ra tranh chấp ranh giới với hộ ông Đ.

- Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất: Hộ bà Nguyễn Thị M sử dụng thửa đất số 269, tờ bản đồ số 02, hộ ông Đ sử dụng thửa đất số 219, tờ bản đồ số 02 đều có nguồn gốc đất thổ cư cũ do ông cha để lại.

- Về hồ sơ địa chính liên quan đến thửa đất lưu trữ tại UBND xã AK:

Theo bản đồ và sổ mục kê năm 1986 thể hiện: Hộ bà Nguyễn Thị M sử dụng là thửa số 113, diện tích 172m^2; hộ ông Nguyễn Văn Đ sử dụng là thửa số 171, diện tích 171m^2 (bao gồm 20,5m^2 đoạn ngõ đi ra đường công).

Theo bản đồ và sổ mục kê năm 1991 thì hộ bà Nguyễn Thị M sử dụng là thửa số 138, diện tích 173m^2; hộ ông Nguyễn Văn Đ sử dụng là thửa số 139, diện tích 180m^2 (bao gồm 20,5m^2 đoạn ngõ đi ra đường công).

Theo bản đồ và sổ mục kê năm 2005 hộ bà Nguyễn Thị M sử dụng là thửa số 269, diện tích 178m^2; hộ ông Nguyễn Văn Đ sử dụng là thửa số 219, tiện tích 168m^2 (không bao gồm 20,5m^2 đoạn ngõ đi ra đường công).

Kiểm tra hiện trạng thửa đất số 269 thể hiện: Cạnh phía Bắc giáp thửa 219 có chiều dài (11,46 + 4,58)m; cạnh phía Nam giáp thửa số 26 có chiều dài

15,20m; cạnh phía Đông giáp thửa số 219 và thửa 270 có chiều dài (0,8 + 10,51). Tổng diện tích là 178,5m^2 (bao gồm 14,3m^2 đang tranh chấp).

Hiện trạng thửa số 219 thể hiện: Cạnh phía Bắc giáp thửa 218, thửa 220, thửa 221 và thửa 217 có chiều dài (11,47 + 12,72); cạnh phía Nam giáp thửa 269, thửa 270 có chiều dài (4,69 + 2,02 + 7,74); cạnh phía Đông giáp thửa 221 có chiều dài 13,65m; cạnh phía Tây giáp thửa 217 có chiều dài 10,03m,. Tổng diện tích là 201,1m^2 (bao gồm 14,3m^2 đang có tranh chấp và cả diện tích ngõ đi ra đường công là 20,5m^2).

Từ kết quả xác minh thu thập cho thấy: Thửa đất số 269, tờ bản đồ 02 xã AK của hộ bà Nguyễn Thị M có nguồn gốc đất thổ cư cũ do cha ông để lại; về hình thể, diện tích của thửa đất qua các thời kỳ không thay đổi nhiều (diện tích hiện trạng 178,5m^2, tăng 6,5m^2 so với bản đồ năm 1986, đã bao gồm 14,3m^2 đang có tranh chấp). Thửa đất số 219, tờ bản đồ số 02, xã AK của hộ ông Nguyễn Văn Đ có nguồn gốc đất thổ cư cũ do cha ông để lại; về hình thể, diện tích qua các thời kỳ có sự thay đổi về diện tích, nhưng qua khảo sát hình thể thấy đoạn ngõ đi ra đường công (20,5m^2) vẽ cắt rời khỏi thửa đất, dẫn đến diện tích thửa 219 còn lại 168m^2 (không bao gồm 14,3m^2 đang có tranh chấp và 20,5m^2 đoạn ngõ đi ra đường công).

Mặt khác, vụ việc tranh chấp đất đai giữa hộ ông L, ông Đ với hộ bà M phát sinh từ năm 1985. Ngày 28/9/1986, UBND xã AK đã có kết luận về việc tranh chấp đất đai giữa 02 hộ là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 21 Luật Đất đai năm 1987. Tuy nhiên, đến nay hộ ông L, ông Đ và hộ bà M vẫn tồn tại tranh chấp do hộ bà M không đồng ý với kết luận của UBND xã AK nhưng không khiếu nại từ năm 1986 đến nay. Phía UBND xã AK thời điểm đó cũng chưa tổ chức thi hành kết luận có hiệu lực. Hơn nữa, hiện nay UBND xã AK không còn lưu trữ được bản gốc Kết luận giải quyết tranh chấp đất đai năm 1986 giữa hai gia đình.

Từ những căn cứ trên, Chủ tịch UBND huện HĐ ban hành Quyết định 1399 để giải quyết tranh chấp giữa hai gia đình, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND xã AK trình bày:*

Theo hồ sơ lưu trữ tại UBND xã thể hiện, năm 1985 hộ hai đình ông Nguyễn Văn T (đã chết) vợ là bà Nguyễn Thị M phát sinh tranh chấp ranh giới, mốc giới với hộ ông Nguyễn Văn L(anh trai ông Nguyễn Văn Đ); UBND xã AK đã giao bộ phận địa chính tiến hành xác minh, tham mưu. UBND xã đã ban hành Kết luận về việc tranh chấp đất ở ngày 29/9/1986. Năm 2013, khi UBND xã thực hiện dự án cải tạo, nâng cấp về bê tông hóa các truyến đường giao thông thì đoạn ngõ đi vào phần đất của ông Nguyễn Văn L (phần có tranh chấp năm 1985) do ông Nguyễn Văn Đ (em trai ông L) đang sử dụng thuộc thửa số 219, tờ bản đồ số 02 bản đồ năm 2002, tiếp tục phát sinh tranh chấp với hộ bà M.

Tháng 6/2019, hộ bà M (con trai là Nguyễn Văn D) thực hiện việc tháo dỡ công trình nhà cũ để đào móng xây dựng nhà mới thì ông Nguyễn Văn L, ông

Nguyễn Văn Đ có đơn phản ánh hộ bà M đào lấn sang đất của gia đình ông Đ đang sử dụng và đề nghị UBND xã AK hòa giải để giải quyết tranh chấp; UBND xã đã tiến hành hòa giải nhưng không thành, UBND xã đã có thông báo số 224/TB-UBND ngày 10/7/2019 và yêu cầu tạm dừng thi công công trình của hộ ông Dũng, đồng thời hướng dẫn hai bên liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để giải quyết dứt điểm.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị M trình bày:*

Việc phát sinh tranh chấp giữa gia đình bà M với gia đình ông Đ phát sinh từ năm 1985 và đã được UBND xã AK hòa giải năm 1986; tháng 6/2019 khi ông Dũng thực hiện việc tháo dỡ nhà để tiến hành xây dựng nhà mới thì tiếp tục phát sinh tranh chấp ranh giới giữa hai gia đình; UBND xã đã nhiều lần hòa giải nhưng hai bên không nhất trí nên vụ việc được chuyển đến UBND huyện HĐ. Sau khi các cơ quan chuyên môn tiến hành xác minh thì Chủ tịch UBND huyện HĐ ban hành Quyết định số 1399 để giải quyết tranh chấp. Theo đó, công nhận diện tích 14,3m^2 đất đang tranh chấp thuộc thửa đất số 269, tờ bản đồ số 02 của hộ bà M. Việc Chủ tịch UBND huyện HĐ ban hành Quyết định 1399 là đảm bảo đúng quy định, đúng thẩm quyền, có căn cứ pháp luật, nên đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

Với nội dung trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 129/2022/HC-ST ngày 18/8/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội đã quyết định: Căn cứ khoản 1 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 204; Điều 206; Điều 348 Luật Tố tụng hành chính; điểm g khoản 1 Điều 100; khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; khoản 1, khoản 2 Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai 2013; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ. Hủy Quyết định số 1399/QĐ-UBND ngày 27/3/2019 của Chủ tịch UBND huyện HĐ về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ ông Nguyễn Văn Đ và hộ bà Nguyễn Thị M tại Thôn PV, xã AK, huyện HĐ, Thành phố Hà Nội

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23/8/2022 người khởi kiện là bà Nguyễn Thị M có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm, bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo là đề nghị sửa bản án sơ thẩm, bác đơn khởi kiện của ông Đ.

Người đại diện cho bà M trình bày: Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội chưa đánh giá đúng nội dung và bản chất vụ án, nên đã hủy Quyết định 1399 là trái pháp luật. Bởi vì, về nguồn gốc đất theo bản đồ năm 1986 thửa đất của gia đình bà M thuộc thửa số 113, diện tích 172m^2; đến bản

đồ năm 2008 diện tích là 178m^2. Như vậy, thửa đất của gia đình mặc dù qua nhiều thời gian nhưng không có sự thay đổi, hiện chỉ tăng lên 6,5m^2, trong đó bao gồm cả 14,3m^2 đang tranh chấp. Thửa đất của gia đình ông Đ hiện trạng là 168m^2 (biến động giảm 03m^2). Hơn nữa, bức tường là tài sản trên đất do bố bà M xây dựng từ mấy chục năm nay; ngày 22/8/2017 Văn phòng đăng ký đất đai huyện HĐ đã có giấy xác nhận đăng ký đất đai số 419/GXN-VPĐKĐĐ có nội dung xác nhận thửa đất 269, tờ bản đồ số 2 diện tích 98m^2 đứng tên Nguyễn Văn D không có tranh chấp, việc kê khai đúng hiện trạng sử dụng đất. Hiện trên diện tích đất đang tranh chấp chỉ còn lại một trụ cổng do gia đình ông Đ xây dựng trên đất của bà M.

Vì vậy, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm, bác đơn khởi kiện của ông Đ.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bà M phát biểu quan điểm: Căn cứ hồ sơ quản lý đất đai thể hiện diện tích đất 14,3m^2 mà đang có tranh chấp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà M, không có chuyện cụ Tụ mượn đất của gia đình ông Đ, nên Quyết định số 1399 của Chủ tịch UBND huyện HĐ là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Bản án sơ thẩm nhận định trên đất tranh chấp còn có tài sản, gồm: Tường hoa, trụ cột, hiên nhà và cổng ngõ…, những tài sản mà bản án sơ thẩm nhận định không hề nằm trên đất tranh chấp; trên đất tranh chấp hiện chỉ có móng nhà đang dào dở, ngập nước của bà M. Chính vì vậy, tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát cấp sơ thẩm đã nhận định Quyết định 1399 của Chủ tịch UBND huyện HĐ là đúng quy định của pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn khởi kiện của ông Đ, nhưng vẫn không được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm bác đơn khởi kiện của ông Đ.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:*

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính; những người tham gia tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ là có căn cứ, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến Kiểm sát viên và đương sự về giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

** Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền, thời hiệu khởi kiện: Tòa án cấp sơ thẩm xác định yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là Quyết định số 1399/QĐ-UBND ngày 27/3/2020 của Chủ tịch UBND huyện HĐ về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ ông Nguyễn Văn Đ và hộ bà Nguyễn Thị M tại Thôn PV, xã AK, huyện HĐ, Thành phố Hà Nội. Đây là Quyết định hành chính cá biệt của Chủ tịch UBND cấp huyện trong lĩnh vực quản lý đất đai, là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính và thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm là Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Ngày 27/3/2020 Chủ tịch UBND huyện HĐ, Thành phố Hà Nội ban hành quyết định hành chính, đến ngày 21/4/2020 ông Nguyễn Văn Đ có đơn khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội là đang trong thời hạn một năm, nên đang trong thời hiệu khởi kiện. Vì vậy, Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội đã thụ lý, giải quyết theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Xác định tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án và sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa: Tòa án cấp sơ thẩm xác định tư cách người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm người bị kiện vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có người đại diện theo ủy quyền có mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 158; khoản 4 Điều 225 Luật tố Tụng hành chính.

** Về nội dung vụ án: Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị M thấy:*

[3]. Căn cứ hồ sơ quản lý đất đai qua các thời kỳ thể hiện:

Theo bản đồ và sổ mục kê năm 1986: Hộ bà Nguyễn Thị M sử dụng là thửa số 113, diện tích 172m^2; hộ ông Nguyễn Văn Đ sử dụng là thửa số 171, diện tích 171m^2.

Theo bản đồ và sổ mục kê năm 1991 thì hộ bà Nguyễn Thị M sử dụng là thửa số 138, diện tích 173m^2; hộ ông Nguyễn Văn Đ sử dụng là thửa số 139, diện tích 180m^2.

Theo bản đồ và sổ mục kê năm 2005 hộ bà Nguyễn Thị M sử dụng là thửa số 269, diện tích 178m^2; hộ ông Nguyễn Văn Đ sử dụng là thửa số 219, diện tích 168m^2.

Việc tranh chấp xảy ra từ năm 1985 đã được UBND xã AK hòa giải và ban hành Kết luận ngày 28/9/1986. Tuy nhiên, căn cứ Điều 135 Luật Đất đai năm 2003; Điều 161 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 thì việc UBND xã AK ban hành Kết luận ngày 28/9/1986 để giải quyết tranh chấp là không đúng thẩm quyền. Bởi vì, UBND xã chỉ có thẩm quyền hòa giải tranh chấp, không có thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai. Phần diện tích đất có tranh chấp là 14,3m^2 là đất thổ cư, đất ở nông thôn do ông cha để lại và nằm trong diện tích đất do hộ gia đình ông Nguyễn Văn Đ đang quản lý, sử dụng đã được thể hiện tại hồ sơ quản lý đất đai qua các thời kỳ, như: Bản đồ và sổ mục kê lập năm 1986, năm

1991 và năm 2005 do UBND xã AK quản lý; quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thừa nhận, cũng như căn cứ kết quả thẩm định thì trên diện tích đất có tranh chấp còn có tài sản của gia đình ông Đ, gồm: Tường hoa, trụ cột, hiên nhà và cổng ngõ được xây dựng trước khi xảy ra tranh chấp. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Văn D là người đại diện cho bà M khẳng định trên đất tranh chấp hiện còn tài sản là trụ cổng do ông Đ tự ý xây dựng trên đất bà M. Các tài liệu chứng cứ đều thể hiện 02 thửa đất của hộ ông Đ và hộ bà M đều là đất thổ cư do cha ông để lại, đều đã được thể hiện trên hồ sơ địa chính là bản đồ và sổ mục kê qua các thời kỳ; tuy chưa được cấp GCNQSD đất, nhưng cần phải được xác định hai thửa đất này thuộc trường hợp có các giấy tờ khác theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ để làm căn cứ xác lập quyền sử dụng đất, nên đủ điều kiện để được cấp GCNQSD đất theo quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013. Do đó, thẩm quyền giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa hai hộ gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013. Hơn nữa, trên đất tranh chấp còn có tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất, nên nếu cơ quan hành chính giải quyết sẽ không giải quyết triệt để được việc tranh chấp, nên việc Chủ tịch UBND huyện HĐ đã thụ lý giải quyết tranh chấp và ban hành Quyết định 1399 là không đúng thẩm quyền giải quyết, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã hủy Quyết định 1399 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Do quyết định hành chính bị hủy với lý do không đúng thẩm quyền, nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét đến nội dung tranh chấp giữa các bên đương sự, mà các đương sự nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện vụ án dân sự tại Tòa án có thẩm quyền.

Tổng hợp các phân tích trên, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ; quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật, đã xem xét đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của các bên đương sự; tại cấp phúc thẩm không có thêm tình tiết gì mới, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người kháng cáo; đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[5] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo không được chấp nhận lẽ ra bà M phải chịu án phí phúc thẩm, nhưng bà M là người cao tuổi thuộc đối tượng được miễn án phí nên miễn án phí phúc thẩm cho bà M theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính;

1. Bác kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị M; giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm số 129/2022/HC-ST ngày 18/8/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

2. Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị M.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND Thành phố Hà Nội;
- Cục THADS Thành phố Hà Nội;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án, phòng HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Duy Nhiệm